|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****THỊ XÃ BUÔN HỒ**Số: /BC-UBND |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Buôn Hồ, ngày tháng 9 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023,**

**Tổng hợp danh mục công trình dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất**

**năm 2024 của thị xã Buôn Hồ**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật số 35/2018/QH14 (Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018); Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 3234/UBND-NNMT, ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; Công văn số 802/UBND-TNMT, ngày 25/4/2023 của UBND thị xã Buôn Hồ về việc triển khai Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân thị xã đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024; tổng hợp danh mục công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thị xã như sau:

# I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 VÀ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI NĂM 2023 SO VỚI NĂM 2022

## 1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Căn cứ danh mục công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất đã được thông qua và phê duyệt tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND, ngày 23/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND, ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2023; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 hecta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng tại Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2022, Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21/12/2021, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh; dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Buôn Hồ và Quyết định số ...../QĐ-UBND, ngày .../9/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm kế hoạch 2023 là 52 công trình, dự án, với tổng diện tích 183,55 ha. Kết quả thực hiện như sau:

***1.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án***

Biểu 01: Tổng hợp kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án năm kế hoạch năm 2023

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Kế hoạch được duyệt 2023** |  **Kết quả thực hiện**  |  **Tỷ lệ thực hiện (%)**  |
| **Số công trình, DA** |  **Diện tích (ha)**  |  **Số công trình, DA**  |  **Diện tích (ha)**  |  **Số công trình, DA**  |  **Diện tích (ha)** |
|  | **TỔNG CỘNG** | **52** | **183,55** | **7** | **33,68** | **13,46** | **18,35** |
| **I** | **Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đất công an | 6 | 3,99 |  |  |  |  |
| **II** | **Công trình, dự án để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đât nông nghiệp khác | 1 | 0,60 |  |  |  |  |
| 2 | Đất thương mại dịch vụ | 6 | 55,91 |  |  |  |  |
| 3 | Đất giao thông | 5 | 10,56 | 2 | 2,06 | 40,00 | 19,51 |
| 4 | Đất thủy lợi | 2 | 2,32 | 1 | 1,90 | 50,00 | 81,90 |
| 5 | Đất cơ sở văn hóa | 1 | 0,80 |  |  | - | - |
| 6 | Đất cơ sở y tế | 1 | 10,00 |  |  |  |  |
| 7 | Đất cơ sở giáo dục - đào tạo | 1 | 4,14 |  |  | - | - |
| 8 | Đất công trình năng lượng | 3 | 0,67 |  |  | - | - |
| 9 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | 1 | 0,50 | 1 | 0,50 | 100,00 | 100,00 |
| 10 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | 2 | 6,00 | 2 | 6,00 | 100,00 | 100,00 |
| 11 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | 1 | 0,16 |  |  |  |  |
| 12 | Đất sinh hoạt cộng đồng | 3 | 0,27 |  |  |  |  |
| 13 | Đất ở nông thôn | 2 | 0,05 |  |  | - | - |
| 14 | Đất ở đô thị | 9 | 0,88 |  |  | - | - |
| 15 | Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 1 | 0,11 |  |  | - | - |
| 16 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 1 | 0,36 | 1 | 0,36 | 100,00 | 100,00 |
| 17 | Đất phi nông nghiệp khác | 1 | 0,55 |  |  | - | - |
| 18 | Khu đô thị | 4 | 79,29 | 1 | 22,86 | 25,00 | 28,83 |
| 19 | Cho thuê đất nông nghiệp do UBND xã, phường quản lý | 2 | 6,39 |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Bao gồm 11 hạng mục đã thực hiện thu hồi đất đưa vào Kế hoạch SDĐ năm 2023 để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đất đai.*

Năm 2023, số công trình, dự án đã thực hiện 07/52 hạng mục công trình, dự án, đạt tỷ lệ 13,46% tổng số công trình, dự án, cụ thể:

- Công trình giao thông: thực hiện 2/5 công trình (Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ và Tuyền đường giao thông trong Khu dân cư đô thị Tây Bắc II (điều chỉnh, bổ sung diện tích 2,1 ha, trong đó thu hồi đất là 1,98 ha)) với diện tích 2,06 ha/10,56 ha, đạt 40,0% số công trình; 19,51% diện tích.

- Công trình thủy lợi: đã thực hiện 01 công trình với diện tích 1,9 ha, đạt 50,0% (Nâng cấp, sửa chữa kết hợp cải tạo cảnh quan xung quanh hồ Ông Diễn, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ- chủ đầu tư xác định hạng mục không phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất).

- Công trình có di tích lịch sử - văn hóa: thực hiện 01/01 công trình (Đền thờ Tưởng niệm liệt sĩ tại đèo Hà Lan, tại xã phường Bình Tân).

- Công trình xây dựng bãi thải, xử lý chất thải: thực hiện 01/01 công trình (Xây dựng Cơ sở xử lý chất thải rắn, xã Ea Drông- đăng ký 02 giai đoạn: giai đoạn 1 thu hồi 4,0 ha; giai đoạn 2 thu hồi 2,0 ha). Diện tích đã thực hiện 6,0 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: đã thực hiện 01/01 công trình: Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ, phướng An Lạc. Diện tích 0,36 ha.

 - Hạng mục Khu đô thị: thực hiện 01/04 công trình với diện tích 22,86 ha/79,29ha; đạt 25,0% số công trình, 28,83 % diện tích. Công trình đã thực hiện là Khu đô thị dân cư Tây Bắc II, tại phường An Lạc.

***1.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất***

- Đất nông nghiệp: Chỉ tiêu đất nông nghiệp được duyệt là 25.073,53 ha, kết quả thực hiện là 25.202,39 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 128,86 ha. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện chưa đạt là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thị xã. Cụ thể các chỉ tiêu thực hiện như sau:

+ Đất trồng lúa: thực hiện 1.580,09ha/1.580,06ha. Diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt là 0,03ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện 1.427,21 ha/1.418,86 ha. Diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt là 8,35 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 22.008,65 ha/ 21.874,77 ha. Diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt là 133,88 ha.

+ Đất nông nghiệp khác: thực hiện 8,04ha/21,44ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 13,40 ha.

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được duyệt là 3.178,43 ha, kết quả thực hiện là 3.049,41 ha, đạt 95,94 % so với chỉ tiêu được duyệt. Trong đó: đất quốc phòng đạt 100,00 %; đất an ninh đạt 37,66 %; đất thương mại, dịch vụ đạt 12,78%; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đạt 100,09 %; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đạt 226,09 %; đất phát triển hạ tầng đạt 97,28 %; đất sinh hoạt cộng đồng đạt 95,33 %; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 42,06 %; đất ở tại nông thôn đạt 98,88 %; đất ở tại đô thị đạt 95,23 %; đất xây dựng trụ sở cơ quan đạt 99,52 %; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đạt 100,00 %; đất cơ sở tín ngưỡng đạt 100,00 %; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đạt 99,99 %.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện có 9,19 ha/9,03 ha chỉ tiêu KH được duyệt. Kết quả không đạt (chưa khai thác diện tích đất chưa sử dụng vào mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp 0,16 ha).

Biểu 02. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích KHSD đất 2023 được duyệt (ha)** | **Kết quả thực hiện năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **So sánh** |
| **Tăng (+), giảm (-) (ha)** | **Tỷ lệ (%)** |
| (1) | (2) | (3) |  (4) | (5) |  (6)=(5)-(4) | (7)=(5)/(4)100  |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **28.260,99** | **28.260,99** | **0,00** |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **25.073,53** | **25.202,39** | **128,86** | **100,51** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 1.580,06 | 1.580,09 | 0,03 | 100,00 |
|  | *T. đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 745,13 | *745,16* | 0,03 | *100,00* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 1.418,86 | 1.427,21 | 8,35 | 100,59 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 21.874,77 | 22.008,65 | 133,88 | 100,61 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 47,92 | 47,92 | 0,00 | 100,00 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản  | NTS | 130,48 | 130,48 | 0,00 | 100,00 |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 21,44 | 8,04 | -13,40 | 37,50 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.178,43** | **3.049,41** | **-129,02** | **95,94** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 244,16 | 244,16 | 0,00 | 100,00 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 6,40 | 2,41 | -3,99 | 37,66 |
| 2.3 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 74,24 | 9,49 | -64,75 | 12,78 |
| 2.4 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 10,72 | 10,73 | 0,01 | 100,09 |
| 2.5 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 12,57 | 28,42 | 15,85 | 226,09 |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 1.662,74 | 1.617,59 | -45,15 | 97,28 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | *1.078,01* | *1.048,42* | -29,59 | *97,26* |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *383,10* | *380,70* | -2,40 | *99,37* |
|  | *Đất cơ sở văn hóa* | *DVH* | *8,82* | *5,80* | -3,02 | *65,76* |
|  | *Đất cơ sở y tế* | *DYT* | *14,07* | *4,00* | -10,07 | *28,43* |
|  | *Đất cơ sở giáo dục-đào tạo* | *DGD* | *58,51* | *54,82* | -3,69 | *93,69* |
|  | *Đất cơ sở thể dục-thể thao* | *DTT* | *13,90* | *13,90* | 0,00 | *100,00* |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *1,52* | *0,83* | -0,69 | *54,61* |
|  | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *1,10* | *1,10* | 0,00 | *100,00* |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *0,55* | *0,55* | 0,00 | *100,00* |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *5,94* | *5,94* | 0,00 | *100,00* |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *13,05* | *13,05* | 0,00 | *100,00* |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa…* | *NTD* | *78,53* | *82,84* | 4,31 | *105,49* |
|  | *Đất chợ* | *DCH* | *5,64* | *5,64* | 0,00 | *100,00* |
| 2.9 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 7,93 | 7,56 | -0,37 | 95,33 |
| 2.10 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 5,35 | 2,25 | -3,10 | 42,06 |
| 2.11 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 417,55 | 412,86 | -4,69 | 98,88 |
| 2.12 | Đất ở tại đô thị | ODT | 465,68 | 443,47 | -22,21 | 95,23 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 10,58 | 10,53 | -0,05 | 99,52 |
| 2.14 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 2,39 | 2,39 | 0,00 | 100,00 |
| 2.15 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 0,030 | 0,030 | 0,00 | 100,00 |
| 2.16 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối  | SON | 257,54 | 257,52 | -0,02 | 99,99 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **9,03** | **9,19** | **0,16** | **98,26** |

Nguồn: *- Quyết định số……./QĐ-UBND, ngày…./9/2023 của UBND tỉnh*

*Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;*

- *Theo số liệu Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2022; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023.*

***1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023***

a. Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp: thực hiện được 8,62 ha/140,75 ha, đạt 6,12 %, trong đó:

+ Đất trồng cây hàng năm: thực hiện 0,37 ha/9,60 ha, đạt 3,85%.

 + Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 8,25 ha/131,12 ha, đạt 6,29 %.

 b. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: thực hiện 0 ha/ 2,26 ha, chưa đạt..

*Biểu 03 :* Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích kế được duyệt (ha)** | **Kết quả thực hiện năm 2023** |
| **Tổng diện tích thực hiện (ha)** | **So sánh** |
| **Tăng (+), giảm (-)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** | **140,75** | **8,62** | **-132,13** | **6,12** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 0,03 | 0,00 | -0,03 | 0,00 |
|  | *Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC/PNN* | *0,03* | *0,00* | *-0,03* | *0,00* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 9,60 | 0,37 | -9,23 | 3,85 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 131,12 | 8,25 | -122,87 | 6,29 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **2,26** | **-** | **-2,26** | **-** |

Biểu 04: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã, phường.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xã, Phường** | **Kế hoạch (ha)** | **Thực hiện (ha)** | **Tỷ lệ đạt KH (%)** |
| 1. Phường An Bình |  2,80  | 0,42 |  15,00  |
| 2. Phường An Lạc |  2,30  | 0,23 |  10,00  |
| 3. Phường Bình Tân |  1,70  | 0,32 |  18,82  |
| 4. Phường Đạt Hiếu |  1,70  | 0,25 |  14,71  |
| 5. Phường Đoàn Kết |  2,20  | 0,25 |  11,36  |
| 6. Phường Thiện An |  2,30  | 0,47 |  20,43  |
| 7. Phường Thống Nhất |  1,70  | 0,21 |  12,35  |
| 8. Xã Bình Thuận |  2,20  |  0,89  |  40,45  |
| 9. Xã Cư Bao |  2,43  |  0,70  |  28,81  |
| 10. Xã Ea Blang |  2,10  |  0,10  |  4,76  |
| 11. Xã Ea Drông |  1,20  |  0,52  |  43,33  |
| 12. Xã Ea Siên |  1,32  |  0,20  |  15,15  |
| **Cộng** |  **23,95**  |  **4,56**  |  **19,04**  |

*Nguồn: Phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã đến tháng 8/2023*

***1.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023***

*a. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết: Số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 và số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.*

Tổng số có 14 công trình, dự án, tổng diện tích thu hồi là 74,81 ha. Trong đó: Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 có 12 công trình, dự án, chiếm 85,71 % số công trình, dự án, diện tích thu hồi là 74,31 ha, chiếm 99,33 % diện tích thu hồi; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 có 02 công trình, dự án, chiếm 14,29 % số công trình, dự án, diện tích thu hồi là 0,5 ha, chiếm 0,67 % diện tích thu hồi.

Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thị xã Buôn Hồ như sau:

*a.1. Số công trình, dự án đã thực hiện (đã ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất).*

Các công trình, dự án đã thực hiện là 4/14 dự án, đạt 28,57 % số lượng; diện tích thực hiện thu hồi là 4,42 ha/74,81 ha, đạt 5,91 % tổng diện tích thu hồi. Cụ thể các công trình đã thực hiện thu hồi như sau:

Biểu 05: Công trình, dự án triển khai thực hiện thu hồi đất

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Danh mục công trình, dự án** | **Mã QH** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm (xã, phường)** |
| **I** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Trung ương** |  |  |  |
| 1 | Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ | TSC | 0,36 | phường An Lạc |
| **II** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Tỉnh** |  |  |  |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | DGT | 0,08 | Phường An Bình |
| **III** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp huyện** |  |  |  |
| 1 | Bãi rác thải sinh hoạt thị xã Buôn Hồ | DRA | 2,00 | Ea Drông |
| **V** | **Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước** |  |  |  |
| 1 | Tuyền đường giao thông trong Khu dân cư đô thị Tây Bắc II (điều chỉnh, bổ sung) | DGT | 1,98 | An Lạc, Đạt Hiếu |

*a.2. Số công trình, dự án không triển khai thu hồi đất trong năm 2023, đề nghị không chuyển tiếp (bỏ ra) sang năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024.*

Có 01 dự án: Nâng cấp, sửa chữa kết hợp cải tạo cảnh quan xung quanh hồ Ông Diễn, thị xã Buôn Hồ, diện tích 1,9 ha, thuộc phường An Lạc. Lý do: Xác định không có diện tích đất phải thu hồi, chuyển mục đích.

*a.3. Số công trình, dự án đang triển khai (dự kiến không thực hiện xong trong năm 2024), đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch SDĐ năm 2024.*

Tổng số công trình, dự án đang triển khai thực hiện trong năm 2023, đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch SDĐ năm 2024 là 09/14 dự án, chiếm 64,28 % dự án, có tổng diện tích 68,49 ha phải thu hồi, chuyển mục đích (trong đó đất nông nghiệp 63,19 ha; đất phi nông nghiệp 5,3 ha). Cụ thể tiến độ và phân tích nguyên nhân từng công trình, dự án như sau:

Biểu 06: Tổng số công trình đang triển khai trong năm 2023, đề nghị chuyển tiếp qua năm kế hoạch SDĐ năm 2024

| **STT** | **Hạng mục** | **Mã loại đất QH** | **Diện tích thu hồi đất (ha)** | **Địa điểm(đến cấp xã)** | **Phân tích nguyên nhân** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng** |  | **68,49** |  |  |
| **I** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Trung ương** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Tỉnh** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ. | DGT |  6,08  | Đạt Hiếu, An Bình, Đoàn Kết | Bố trí vốn để triển khai thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư; Chưa bố trí vốn thực hiện thu hồi đất |
| 2 | Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc | DGT |  2,11  | Bình Thuận | Đã có Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Chờ bố trí vốn |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo hồ Hà Cỏ, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ | DTL |  0,42  | Phường Bình Tân. | Đang chờ UBND tỉnh phê duyệt bổ sung trong Kế hoạch SDĐ năm 2023 |
| 4 | Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ | DYT |  10,00  | Phường An Bình, Đoàn Kết | Đang triển khai thông báo thu hồi đất đến các hộ dân |
| **III** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp huyện** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp xã** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **V** | **Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước** |  |  |  |  |
| 1 | Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha) | DGT |  0,05  | An Bình | Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án cho phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Buôn Hồ |
| 2 | Mở rộng khu đô thị Đông Nam (Tổng diện tích dự án là 12,4 ha, trong đó diện tích đất nhà ở hiện trạng chỉnh trang có 0,27 ha) | KĐT |  12,13  | Phường An Lạc | Các Sở, ngành đang xác định hình thức đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành |
| 3 | Khu dân cư đô thị phường Thiện An | KĐT |  18,75  | Thiện An | Các Sở, ngành đang xác định hình thức đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành |
| 4 | Khu Trung tâm thương mại, khu dân cư tại phường An Bình, Đạt Hiếu (Tổng diện tích dự án là 19,04 ha, trong đó diện tích đất ở hiện trạng, cải tạo chỉnh trang có 0,35 ha) | KĐT |  18,69  | Phường An Bình, Đạt Hiếu | Các Sở, ngành đang xác định hình thức đầu tư cho phù hợp với quy định hiện hành |
| 5 | Nâng cấp công suất truyền tải đường dây 110KV TBA 220kV Krông Buk-Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | DNL |  0,26  | Các phường Đạt Hiếu, An BÌnh, Đoàn Kết, Thống Nhất, Bình Tân và xã Cư Bao | Đang triển khai thực hiện |

*b. Đề xuất các giải pháp thực hiện*

+ Đối với các công trình, dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương, đề xuất UBND tỉnh sớm phân bổ vốn để có kinh phí triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

+ Đối với các công trình do các sở, ngành đăng ký trên địa bàn thị xã, UBND thị xã đề xuất các đơn vị đăng ký triển khai thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm, hoàn thành hồ sơ, giải ngân nguồn vốn..., nhanh chóng triển khai thực hiện trên địa bàn thị xã.

+ Đối với công trình, dự án sử dụng nguồn ngân sách thị xã. UBND thị xã sẽ thực hiện chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chuyên môn phối hợp, khẩn trương thực hiện theo đúng kế hoạch đã đăng ký.

+ Đối với công trình, dự án không sử dụng nguồn ngân sách thị xã: Đề nghị các chủ đầu tư (đối với dự án có chủ trương đầu tư) phối hợp với các phòng ban chuyên môn để đẩy nhanh tiến độ, kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho các tổ chức, đơn vị tham gia nghiên cứu, đầu tư các hạng mục, dự án kêu gọi đầu tư của địa phương.

+ UBND thị xã tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chuyên môn đẩy nhanh việc rà soát, điều chỉnh đồng bộ giữa Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chung xã và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác với quy hoạch chung xây dựng thị xã, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ..

***1.5. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023***

Kế hoạch năm 2023 khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng 0,16 ha (Tiểu Hoa Viên khu thôn Tây Hà 4, xã Cư Bao). Kết quả chưa thực hiện.

***1.6. Công trình dự án đăng ký kế hoạch 3 năm nhưng chưa thực hiện***

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023, trên địa bàn thị xã có 04 công trình đăng ký liên tiếp 03 năm, nhưng tất cả các công trình này đã và đang thực hiện. Đề nghị chuyển tiếp 04 công trình trên sang năm 2024 để tiếp tục triển khai thực hiện.

Biểu 07: Công trình dự án đăng ký kế hoạch 3 năm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** | **Nguyên nhân** |
| 1 | Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha) |  0,311  | An Bình | Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án cho phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Buôn Hồ |
| 2 | Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ. |  6,08  | An Bình, Đoàn Kết | Bố trí vốn để triển khai thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư; Chưa bố trí vốn thực hiện thu hồi đất |
| 3 | Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc |  2,11  | Bình Thuận | Đã có Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Chờ bố trí vốn |
| 4 | Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ |  10,00  | Phường An Bình, phường Đoàn Kết | Đang triển khai thông báo thu hồi đất đến các hộ dân |

***1.7. Công trình, dự án không chuyển tiếp sang Kế hoạch SDĐ năm 2024***

Có 02 công trình, dự án không chuyển tiếp (loại bỏ) sang Kế hoạch SDĐ năm 2024:

- Nâng cấp, sửa chữa kết hợp cải tạo cảnh quan xung quanh hồ Ông Diễn, thị xã Buôn Hồ, diện tích 1,9 ha, thuộc phường An Lạc. Lý do: Xác định không có diện tích đất phải thu hồi, chuyển mục đích.

- Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 6 (sát nhập thôn 6A với 6B). Lý do: đề nghị điều chỉnh vị trí so với Quy hoạch SDĐ năm 2030 (điều chỉnh xoay vị trí thuộc thửa 437, tờ bản đồ số 42 – Quy hoạch đất cơ sở thể dục-thể thao).

## 2. Biến động sử dụng đất năm 2023 so với năm 2022.

Tổng diện tích tự nhiên: Năm 2023 tổng diện tích trong địa giới hành chính của thị xã có 28.260,99 ha, không thay đổi so với năm 2022; trong đó:

 \* Nhóm đất nông nghiệp: Nhóm đất nông nghiệp năm 2023 giảm 8,62 ha so với năm 2022, trong đó các loại đất tăng, giảm như sau:

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích năm 2023 giảm 8,25 ha so với năm 2022; diện tích giảm do chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,41 ha; đất ở đô thị 1,99 ha; đất giao thông 1,70 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 1,79 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,36 ha.

- Đất trồng cây hàng năm: Diện tích năm 2023 giảm 0,37 ha so với năm 2022; diện tích giảm do chuyển sang đất ở đô thị 0,16 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,21 ha.

- Các loại đất còn lại ổn định so với năm 2022.

\* Nhóm đất phi nông nghiệp: Năm 2023 nhóm đất phi nông nghiệp của thị xã tăng 8,62 ha so với năm 2022, trong đó các loại đất tăng, giảm như sau:

- Đất phát triển hạ tầng tăng 4,06 ha so với năm 2022, tăng mở rộng mốt số tuyến đường giao thôn; đất bãi thải, xử lý chất thải. Trong nội bộ đất phát triển hạ tầng: đất cơ sở văn hóa giảm 0,5 ha để chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa (Đền thờ Tưởng niệm liệt sĩ tại đèo Hà Lan)

- Đất ở tại nông thôn tăng 2,41 ha so với năm 2022, tăng do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân tại các xã.

- Đất ở tại đô thị tăng 1,79 ha so với năm 2022, tăng do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân tại các phường.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,36 ha so với năm 2022, do thực hiện hạng mục Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ.

- Các loại đất còn lại ổn định so với năm 2022.

\* Đất chưa sử dụng: Năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng của thị xã không biến động so với năm 2022.

Biểu 08: Biến động đất đai năm 2023 so với năm 2022 của thị xã.

Đơn vị tính: ha

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tăng/giảm so với HT** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) |  (6)=(5)-(4) |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **28.260,99** | **28.260,99** | **0,00** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **25.211,01** | **25.202,39** | **-8,62** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 1.580,09 | 1.580,09 | 0,00 |
|  | *T. đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *745,16* | *745,16* | *0,00* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 1.427,58 | 1.427,21 | -0,37 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 22.016,90 | 22.008,65 | -8,25 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 47,92 | 47,92 | 0,00 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản  | NTS | 130,48 | 130,48 | 0,00 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 8,04 | 8,04 | 0,00 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.040,79** | **3.049,41** | **8,62** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 244,16 | 244,16 | 0,00 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 2,41 | 2,41 | 0,00 |
| 2.3 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 9,49 | 9,49 | 0,00 |
| 2.4 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 10,73 | 10,73 | 0,00 |
| 2.5 | Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm | SKX | 28,42 | 28,42 | 0,00 |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 1.613,53 | 1.617,59 | 4,06 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | *1.046,36* | *1.048,42* | *2,06* |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *380,70* | *380,70* | *0,00* |
|  | *Đất cơ sở văn hóa* | *DVH* | *6,30* | *5,80* | *-0,50* |
|  | *Đất cơ sở y tế* | *DYT* | *4,00* | *4,00* | *0,00* |
|  | *Đất cơ sở giáo dục-đào tạo* | *DGD* | *54,82* | *54,82* | *0,00* |
|  | *Đất cơ sở thể dục-thể thao* | *DTT* | *13,90* | *13,90* | *0,00* |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *0,83* | *0,83* | *0,00* |
|  | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *1,10* | *1,10* | *0,00* |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *0,05* | *0,55* | *0,50* |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *3,94* | *5,94* | *2,00* |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *13,05* | *13,05* | *0,00* |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa…* | *NTD* | *82,84* | *82,84* | *0,00* |
|  | *Đất chợ* | *DCH* | *5,64* | *5,64* | *0,00* |
| 2.9 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 7,56 | 7,56 | 0,00 |
| 2.10 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 2,25 | 2,25 | 0,00 |
| 2.11 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 410,45 | 412,86 | 2,41 |
| 2.12 | Đất ở tại đô thị | ODT | 441,68 | 443,47 | 1,79 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 10,17 | 10,53 | 0,36 |
| 2.14 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 2,39 | 2,39 | 0,00 |
| 2.15 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 0,03 | 0,030 | 0,00 |
| 2.16 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối  | SON | 257,52 | 257,52 | 0,00 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **9,19** | **9,19** | **0,00** |

Nguồn: *Theo số liệu Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2022; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023.*

**3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thị xã đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt như: Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã và tỉnh. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại như sau:

- Một số chỉ tiêu thực hiện đạt thấp so với kế hoạch được duyệt: Chỉ tiêu diện tích chuyển mục đích đất nông nghiệp thực hiện 8,62 ha/140,75 ha, đạt 6,12 %; Chỉ tiêu diện tích thực hiện thu hồi là 4,42 ha/74,81 ha, đạt 5,91 % tổng diện tích thu hồi.

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển còn hạn chế, bị động, chưa có đủ nguồn vốn để tạo mặt bằng đất sạch nhằm thu hút các nhà đầu tư, xây dựng hạ tầng đồng bộ để thực hiện các hạng mục bán đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách.

- Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn; công tác đầu tư xây dựng cơ bản tuy có nhiều chuyển biến, song tiến độ triển khai còn chậm. Một số dự án thực hiện bằng nguồn ngân sách nhưng trong năm không bố trí được nguồn vốn theo kế hoạch (Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ; Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc).

- Còn một số công trình, dự án đã triển khai thực hiện đưa vào khai thác, sử dụng, nhưng chưa có quyết định giao đất, chưa hoàn thiện thủ tục đất (đất trụ sở công an các xã: Bình Thuận, Cư Bao, Ea Blang, Ea Drông, Ea Siên; Trụ sở làm việc Chi nhánh VP Đăng ký đất đai thị xã, Bãi rác thải sinh hoạt thị xã Buôn Hồ, Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ,....

- Một số nhà đầu tư đã cam kết thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư của địa phương nhưng chậm triển khai thực hiện theo đăng ký ban đầu (Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đèo Hà Lan, Khu du lịch sinh thái xã Ea Siên,..), hoặc vướng mắc trong công tác thỏa thuận đất đai hoặc chưa thống nhất phương án hỗ trợ bồi thường thiệt hại về hoa màu với người dân nên chưa triển khai thực hiện được (Dự án Khu đô thị Tây Bắc II).

- Chuyển mục đích đất của các hộ gia đình, cá nhân còn thấp, đặc biệt đối với đất nông nghiệp khác (chủ yếu đất phát triển trang trại), đất thương mại dịch vụ hầu hết chưa thực hiện so với nhu cầu đăng ký.

**4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDĐ đất năm 2023**

Nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa đạt, thể hiện ở một số điểm sau:

- Đa số các dự án đầu tư triển khai trên địa bàn thị xã có chi phí đầu tư lớn, trong khi nguồn vốn của các chủ đầu tư dự án (vốn ngoài ngân sách) không đủ đáp ứng, phải huy động, kêu gọi đầu tư thêm các nguồn hỗ trợ khác dẫn đến công tác triển khai đầu tư xây dựng tại địa phương chậm và tỷ lệ thực hiện chưa cao.

- Các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất thiếu tính khả thi của dự án. Một số dự án khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị về vốn đầu tư, làm cho việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn,... nhất là các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước nên đạt tỷ lệ không cao.

- Một số dự án đầu tư xây dựng chưa được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết; chưa được phê duyệt lập hồ sơ phương án bồi thường, giải phóng mặt hoặc dự án khi triển khai đã phát sinh so với yêu cầu thực tế cần phải điều chỉnh bổ sung hoàn thiện hồ sơ đầu tư đảm bảo đúng quy định hiện hành (Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha); Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ).

- Chưa kịp thời có sự điều chỉnh để đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất (phê duyệt năm 2022) với các quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung đô thị, các quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn mới. Hầu hết được lập và phê duyệt từ trước năm 2015 nên đến nay nhiều khu vực, vị trí không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương cần được điều chỉnh) nên việc triển khai còn nhiều vướng mắc, thời gian kéo dài,…

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi, đặc biệt là giá đất thay đổi liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu quy phạm, chế tài cụ thể để xử lý những phát sinh trong thực tế.

- Công tác tuyên truyền, phổ biết pháp luật về đất đai tuy đã được thực hiện nhưng còn hạn chế, bất cập, nhiều chủ thể sử dụng đất chưa nắm rõ quy định về trình tự thủ tục đất đai trong việc đầu tư xây dựng công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất dẫn đến việc triển khai còn lúng túng, thời gian kéo dài.

**II. DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

**2.1. Danh mục công trình, dự án đưa vào Kế hoạch SDĐ năm 2024**

***2.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức***

Tổng số công trình, dự án năm 2024: 46 công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2023 sang 38 công trình và đăng ký mới 08 công trình. Ngoài ra trong năm 2024 thị xã đưa vào 12 hạng mục đã thực hiện công tác thu hồi, đền bù để thực chuyển mục đích, giao đất,…. và hoàn thiện thủ tục đất đai. *(chi tiết xem phu biểu 01, 04).*

Biểu 09: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024

| **Số TT** | **Danh mục công trình, dự án** | **CT-DA chuyển tiếp/đăng ký mới**  |  **Chủ đầu tư**  |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** |  **Công trình quốc phòng, an ninh**  |  |  |  |  |
| 1 | Trụ sở làm việc công an thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Công an tỉnh Đắk Lắk |  3,30  |  Phường An Lạc  |
| **II** |  **Công trình dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**  |   |   |   |   |
| 1 | Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha) | Chuyển tiếp | HTX DV vận tải Thanh Hà |  0,311  | An Bình |
| 2 | Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ. | Chuyển tiếp | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk |  6,08  | An Bình, Đoàn Kết |
| 3 | Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc | Chuyển tiếp | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh Đắk Lắk |  2,11  | Bình Thuận |
| 4 | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã |  0,08  |  Phường An Bình  |
| 5 | Nâng cấp, cải tạo hồ Hà Cỏ, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã |  0,42  |  Phường Bình Tân, Bình Thuận  |
| 6 | Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk |  10,00  | Phường An Bình, phường Đoàn Kết |
| 7 | Bãi rác thải sinh hoạt thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | TT PTQĐ thị xã; Công ty cổ phần Cơ khí Môi trường Việt Nam |  2,00  |  Ea Drông  |
| 8 | Mở rộng khu đô thị Đông Nam (trong đó diện tích đất nhà ở hiện trạng chỉnh trang có 0,27 ha) | Chuyển tiếp | Kêu gọi đầu tư |  12,40  |  Phường An Lạc  |
| 9 | Khu dân cư đô thị phường Thiện An | Chuyển tiếp | Kêu gọi đầu tư |  18,75  |  Thiện An  |
| 10 | Khu Trung tâm thương mại, khu dân cư tại phường An Bình, Đạt Hiếu (trong đó diện tích đất ở hiện trạng, cải tạo chỉnh trang có 0,35 ha) | Chuyển tiếp | Kêu gọi đầu tư |  19,04  |  Phường An Bình, Đạt Hiếu  |
| 11 | Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk |  0,36  | phường An Lạc |
| 12 | Nâng cấp công suất truyền tải đường dây 110KV TBA 220kV Krông Buk-Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | Chuyển tiếp | Ban QLDA lưới điện Miền Trung- Tổng Công ty điện lực miền Trung |  0,26  | Đạt Hiếu, An BÌnh, Đoàn Kết, Thống Nhất, Bình Tân và xã Cư Bao |
| 13 | Vỉa hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đầu đường Trần Hưng Đạo hướng đến trường TH Nguyễn Trãi) | Đ/ký mới | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã | 0,00116 | Phường An Lạc |
| 14 | Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 (giai đoạn 1) | Đ/ký mới |   |  5,00  |  Bình Tân; Bình Thuận  |
| 15 | Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2 và Nhà máy điện gió Cư M’gar 2 | Đ/ký mới |   |  8,30  |  phường Bình Tân, phường Thống Nhất, phường Đoàn Kết, phường An Bình, phường Đạt Hiếu và xã Cư Bao  |
| 16 | Chợ Thống Nhất | Đ/ký mới |   |  2,10  | Phường Thống Nhất |
| **III.** |  **Danh mục chuyển mục đích, giao đất, đấu giá, thu hút đầu tư, đầu tư,…**  |   |   |   |   |
| 1 | Khu du lịch phía Tây Bắc thác nước Dray Êga | Chuyển tiếp | Thu hút đấu tư |  5,86  |  An Lạc, Ea Blang  |
| 2 | Khu du lịch thác nước buôn Dlung | Chuyển tiếp | Thu hút đấu tư |  5,00  |  Xã Ea Siên  |
| 3 | Khu du lịch sinh thái xã Ea Siên | Chuyển tiếp | Thu hút đấu tư |  30,00  |  Xã Ea Siên  |
| 4 | Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đèo Hà Lan (Tổng diện tích khu 181,93 ha. Trong đó, diện tích xây dựng các hạng mục 15,0 ha, diện tích còn lại là rừng cảnh quan, cây xanh dã ngoại,...) | Chuyển tiếp | Thu hút đấu tư |  15,00  |  Phường Bình Tân  |
| 5 | Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Đoàn Kết hạng mục: Nhà làm việc, hội trường và hạ tầng kỹ thuật | Đ/ký mới | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã |  0,73  |  Phường Đoàn Kết  |
| 6 | Chợ Phường Bình Tân  | Đ/ký mới | Thu hút đấu tư |  1,23  |  Phường Bình Tân  |
| 7 | Tiểu Hoa Viên khu thôn Tây Hà 4 | Chuyển tiếp | UBND xã |  0,16  |  Cư Bao  |
| 8 | Nhà văn hóa Tây Hà 4 | Chuyển tiếp | UBND xã |  0,10  |  Cư Bao  |
| 9 | Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Sơn Lộc 1 | Chuyển tiếp | UBND xã |  0,07  |  Cư Bao  |
| 10 | Khu đô thị dân cư Tây Bắc II (Tổng diện tích Khu đô thị 29,1 ha. Trong đó đất ở tái định cư, hiện hữu cải tạo 4,14 ha) | Chuyển tiếp | Liên danh Công ty cổ phần Thương mại – Quảng cáo – Xây dựng  - Địa ốc Việt Hân và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang |  29,10  | An Lạc |
| 11 | Đât nông nghiệp khác | Chuyển tiếp |  Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk  |  0,60  |  Xã Cư Bao  |
| 12 | Đất phi nông nghiệp khác | Chuyển tiếp |  Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk  |  0,55  |  Xã Cư Bao  |
|   | ***Trong đó hạng mục đấu giá*** |   |   |   |   |
| 1 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cơ sở nhà, đất tại số 474 đường Hùng Vương, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ (Thị ủy Buôn Hồ cũ) | Đ/ký mới | Sở Tài chính | 0,282 | Phường An Bình  |
| 2 | Đấu giá quyền sử dụng đất tại cơ sở đất số 42 đường Trần Phú, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ (Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thị xã cũ) | Đ/ký mới | Sở Tài chính | 0,13 | Phường An Bình  |
| 3 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo cũ - số 517 đường Hùng Vương, phường An Lạc | Chuyển tiếp | Sở Tài chính |  0,03  |  An Lạc  |
| 4 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Trường MG Hoa Sen (cũ), đường Hung Vương, phường Đạt Hiếu. | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,11  |  Đạt Hiếu  |
| 5 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất HTX kinh doanh tổng hợp Đạt Hiếu (cũ), đường Hùng Vương, phường Đạt Hiếu. | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,10  |  Đạt Hiếu  |
| 6 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Hợp tác xã Tân Hà (cũ) - TDP Tân Hà 2, đường Hùng Vương, phường Thống Nhất | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,32  |  Thống Nhất  |
| 7 |  Đấu giá quyền sử dụng đất ở thửa đất số 253, tờ bản đồ số 39, phường An Bình (Diện tích 67,8 m2)  | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,00674  |  Phường An Bình  |
| 8 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Trường Mầm non Hoa Hồng, 32 Lê Duẩn, phường An Lạc | Chuyển tiếp | Sở Tài chính |  0,18  |  phường An Lạc  |
| 9 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trường MG Hoa Sữa, Tổ dân phố 11 , phường Đoàn Kết (nay là nằm trên trục đường Lạc Long Quân và Nguyễn Trãi, phường An Bình) | Chuyển tiếp | Sở Tài chính |  0,02107  |  Phường An Bình  |
| 10 | Đấu giá cho thuê quyền sử dụng Ki ốt phía Bắc đường Phạm Ngũ Lão (phía Nhà Văn hóa), phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Phòng TCKH |  0,02  |  Phường An Bình  |
| 11 | Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất các thửa đất thương mại dịch vụ tại đường Phạm Ngũ Lão (phía Bưu điện), phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Chuyển tiếp | Phòng TCKH |  0,03  |  Phường An Bình  |
| 12 | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất (thửa số 381,diện tích 116,6m2 và thửa số 385, diện tích 102,7m2), tờ bản đố 74, xã Cư Bao (thuộc đất Nhà ở tập thể giáo viên khu vực chợ xã Cư Bao, thôn Tây Hà 4, thị xã Buôn Hồ) | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,0223  | Cư Bao |
| 13 | Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp do UBND xã Cư Bao quản lý | Chuyển tiếp | UBND xã |  4,28  | Cư Bao |
| 14 | Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp khác do UBND phường Thiện An quản lý (Khu đất do Công ty TNHH QLĐT và MT Buôn Hồ giao trả) | Chuyển tiếp | UBND phường |  2,11  | Thiện An |
| 15 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu vực đất trạm máy kéo cũ | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,0414  | Phường An Bình |
| 16 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu vực chợ xã Ea Blang | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,03  | Xã Ea Blang |
| 17 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại hẻm đường Lê Văn Hưu, phường Đoàn Kết | Chuyển tiếp | TT PTQĐ |  0,0697  | Phường Đoàn Kết |

 (chi tiết tại Phụ biểu 01)

***2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân***

Trong kế hoạch sử dụng đất 2023 nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân là 45,16 ha. Chia theo các xã, phường và loại đất sau khi chuyển mục đích như sau:

Biểu 10: Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

| **Số TT** | **Hạng mục chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân** | **Mã QH** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (xã, phường)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  | **TỔNG CỘNG** |  | **46,39** |  |
| **I** | **Đât nông nghiệp khác** |  |  |  |
| 1 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 8,16 |  Phường Bình Tân  |
| 2 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 0,42 |  Phường An Bình  |
| 3 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 1,81 |  Phường Đoàn Kết  |
| 4 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 5,57 |  Phường Thống Nhất  |
| 5 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 1,32 |  Bình Thuận  |
| 6 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 1,22 |  Cư Bao  |
| **II** | **Đất thương mại dịch vụ** |  |  |  |
| 1 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại phường Đạt Hiếu | TMD | 0,40 |  Đạt Hiếu  |
| 2 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại phường Bình Tân | TMD | 1,04 |  Bình Tân  |
| 3 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại phường Thiện An | TMD | 0,12 |  Phường Thiện An  |
| 4 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại phường An Bình | TMD | 0,82 |  Phường An Bình  |
| 5 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại phường Thống Nhất | TMD | 0,97 |  Phường Thống Nhất  |
| 6 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ tại xã Cư Bao  | TMD | 3,77 |  Xã Cư Bao  |
| 7 | Đất thương mại dịch vụ tại xã Ea Drông | TMD | 0,10 |  Xã Ea Drông  |
| **III.** | **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo** |  |  |  |
| 1 | Nhu cầu chuyển mục đích sang đất giáo dục tại Phường Đoàn Kết | DGD | 1,07 |  Phường Đoàn Kết  |
| **IV.** | **Đất ở tại nông thôn** |  |  |  |
| 1 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Bình Thuận | ONT | 1,00 | Bình Thuận |
| 2 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Cư Bao | ONT | 1,10 | Cư Bao |
| 3 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Blang | ONT | 2,00 | Ea Blang |
| 4 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Drông | ONT | 1,20 | Ea Drông |
| 5 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại xã Ea Siên | ONT | 1,00 | Ea Siên |
| **IV** | **Đất ở tại đô thị** |  |  |  |
| 1 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường An Bình | ODT | 2,00 | An Bình |
| 2 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường An Lạc | ODT | 2,20 | An Lạc |
| 3 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Bình Tân | ODT | 2,30 | Bình Tân |
| 4 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Đạt Hiếu | ODT | 1,50 | Đạt Hiếu |
| 5 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Đoàn Kết | ODT | 2,00 | Đoàn Kết |
| 6 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Thiện An | ODT | 2,00 | Thiện An |
| 7 | Nhu cầu CMD sang đất ở tại Phường Thống Nhất | ODT | 1,30 | Thống Nhất |

Chi tiết xem tại Phụ biểu 01:

***2.2. Danh mục*** ***công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất***

 Trong năm Kế hoạch sử dụng đất 2023 có 16 công trình, dự án thực hiện phải thu hồi đất đề nghị HĐND tỉnh thông qua, tổng diện tích phải thu hồi 86,33 ha. Trong đó công trình chuyển tiếp có 12 công trình, dự án và 04 công trình đăng ký mới. Chi tiết như sau:

Biểu 11: Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất

| **STT** | **Hạng mục** | **Chủ đầu tư** | **Mã loại đất QH** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm(đến cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  | **Tổng** |  |  | **86,33** |  |
| **A** | **Dự án chuyển tiếp từ năm 2023** |  |  | **70,93** |  |
| **I** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Trung ương** |  |  |  |  |
| 1 | Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ | Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk | TSC | 0,36 | phường An Lạc |
| **II** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Tỉnh** |  |  |  |  |
| 1 | Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc Lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ. | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk | DGT | 6,08 | An Bình, Đoàn Kết |
| 2 | Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi KM111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk | DGT | 2,11 | Bình Thuận |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã | DGT | 0,08 | Phường An Bình |
| 4 | Nâng cấp, cải tạo Hồ Hà Cỏ, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã | DTL | 0,42 | Phường Bình Tân |
| 5 | Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ | Ban Quản lý dự án ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk | DYT | 10,00 | An Bình, Đoàn Kết |
| **III** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp huyện** |  |  |  |  |
| 1 | Bãi rác thải sinh hoạt thị xã Buôn Hồ | Phòng TNMT | DRA | 2,00 | Ea Drông |
| **IV** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp xã** |  |  |  |  |
|   |   |   |  |  |   |
| **V** | **Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước** |  |  |  |  |
| 1 | Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha) | HTX DV vận tải Thanh Hà | DGT | 0,05 | An Bình |
| 2 | Mở rộng khu đô thị Đông Nam (Tổng diện tích dự án là 12,4 ha, trong đó diện tích đất nhà ở hiện trạng chỉnh trang có 0,27 ha) | Kêu gọi đầu tư | KDT | 12,13 | Phường An Lạc |
| 3 | Khu dân cư đô thị phường Thiện An | Kêu gọi đầu tư | KDT | 18,75 | Phường Thiện An |
| 4 | Khu Trung tâm thương mại, khu dân cư tại phường An Bình, Đạt Hiếu (Tổng diện tích dự án là 19,04 ha, trong đó diện tích đất ở hiện trạng, cải tạo chỉnh trang có 0,35 ha) | Kêu gọi đầu tư | KDT | 18,69 | Phường An Bình, Đạt Hiếu |
| 5 | Nâng cấp công suất truyền tải đường dây 110KV TBA 220kV Krông Buk-Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | Ban QLDA lưới điện Miền Trung- Tổng Công ty điện lực miền Trung | DNL | 0,26 | Đạt Hiếu, An BÌnh, Đoàn Kết, Thống Nhất, Bình Tân và xã Cư Bao |
| **B** | **Dự án mới năm 2024** |  |  | **15,40116** |  |
| **I** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Trung ương** |  |  |  |  |
|  |   |   |  |  |  |
| **II** | **Dự án thực hiện từ ngân sách Tỉnh** |  |  |  |  |
|   |   |   |  |  |   |
| **III** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp huyện** |  |  |  |  |
| 1 | Vỉa hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đầu đường Trần Hưng Đạo hướng đến trường TH Nguyễn Trãi) | Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã | DGT | 0,00116 | Phường An Lạc |
| **IV** | **Dự án thực hiện từ ngân sách cấp xã** |  |  |  |  |
| 1 |   |   |  |  |   |
| **V** | **Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước** |  |  |  |  |
| 1 | Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 (giai đoạn 1) | Công ty TNHH Năng lượng tái tạo Đắk Lắk | DNL | 5,00 | Bình Tân; Bình Thuận |
| 2 | Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2 và Nhà máy điện gió Cư M’gar 2 | Công ty TNHH đầu tư VNM | DNL | 8,30 | phường Bình Tân, phường Thống Nhất, phường Đoàn Kết, phường An Bình, phường Đạt Hiếu và xã Cư Bao |
| 3 | Chợ Thống Nhất | Kêu gọi đầu tư | DCH | 2,10 | Phường Thống Nhất |

* *Chi tiết xem phụ biểu 02*

**2.3. Danh mục công trình, dự án thu hút đầu tư năm kế hoạch 2023**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thị xã xác định 13 hạng mục công trình, dự án thu hút, kêu gọi đầu tư với tổng diện tích 154,53 ha, gồm có:

Biểu 11: Danh mục công trình dự án thu hút, kêu gọi đầu tư trên địa bàn thị xã năm 2024

| **Số TT** | **Danh mục công trình, dự án** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Khu du lịch phía Tây Bắc thác nước Dray Êga | 5,86 | An Lạc, Ea Blang |
|  | Khu du lịch thác nước buôn Dlung | 5,00 | Xã Ea Siên |
|  | Khu du lịch sinh thái xã Ea Siên | 30,00 | Xã Ea Siên |
|  | Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đèo Hà Lan (Tổng diện tích khu 181,93 ha. Trong đó, diện tích xây dựng các hạng mục 15,0 ha, diện tích còn lại là rừng cảnh quan, cây xanh dã ngoại,...) | 15,00 | Phường Bình Tân |
|  | Bến xe thị xã Buôn Hồ (Tổng diện tích dự án là 0,311 ha, trong đó diện tích thu hồi 0,05 ha) | 0,05 | An Bình |
|  | Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ | 10,00 | An Bình, Đoàn Kết |
|  | Bãi rác thải sinh hoạt thị xã Buôn Hồ | 6,00 | Ea Drông |
|  | Chợ phường Thống Nhất | 2,10 | Thống Nhất |
|  | Chợ Phường Bình Tân  | 1,23 | Phường Bình Tân |
|  | Khu đô thị dân cư Tây Bắc II (Tổng diện tích Khu đô thị 29,1 ha. Trong đó đất ở tái định cư, hiện hữu cải tạo 4,14 ha) | 29,10 | An Lạc |
|  | Mở rộng khu đô thị Đông Nam (trong đó diện tích đất nhà ở hiện trạng chỉnh trang có 0,27 ha) | 12,40 | Phường An Lạc |
|  | Khu dân cư đô thị phường Thiện An | 18,75 | Phường Thiện An |
|  | Khu Trung tâm thương mại, khu dân cư tại phường An Bình, Đạt Hiếu | 19,04 | Phường An Bình, Đạt Hiếu |

**2.4. Danh mục, khu vực đấu giá quyền sử dụng đất.**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện xác định 17 hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 7,7832 ha, gồm có:

Biểu 12: Hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thị xã năm 2024

| **Số TT** | **Danh mục công trình, dự án** |  **Chủ đầu tư**  |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cơ sở nhà, đất tại số 474 đường Hùng Vương, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ (Thị ủy Buôn Hồ cũ) | Sở Tài chính | 0,282 | Phường An Bình |
| 2 | Đấu giá quyền sử dụng đất tại cơ sở đất số 42 đường Trần Phú, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ (Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thị xã cũ) | Sở Tài chính | 0,13 | Phường An Bình |
| 3 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo cũ - số 517 đường Hùng Vương, phường An Lạc | Sở Tài chính | 0,03 |  An Lạc  |
| 4 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Trường MG Hoa Sen (cũ), đường Hung Vương, phường Đạt Hiếu. | TT PTQĐ | 0,11 |  Đạt Hiếu  |
| 5 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất HTX kinh doanh tổng hợp Đạt Hiếu (cũ), đường Hùng Vương, phường Đạt Hiếu. | TT PTQĐ | 0,10 |  Đạt Hiếu  |
| 6 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Hợp tác xã Tân Hà (cũ) - TDP Tân Hà 2, đường Hùng Vương, phường Thống Nhất | TT PTQĐ | 0,32 |  Thống Nhất  |
| 7 |  Đấu giá quyền sử dụng đất ở thửa đất số 253, tờ bản đồ số 39, phường An Bình (Diện tích 67,8 m2)  | TT PTQĐ | 0,00674 |  Phường An Bình  |
| 8 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Trường Mầm non Hoa Hồng, 32 Lê Duẩn, phường An Lạc | Sở Tài chính | 0,18 |  phường An Lạc  |
| 9 | Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trường MG Hoa Sữa, Tổ dân phố 11 , phường Đoàn Kết (nay là nằm trên trục đường Lạc Long Quân và Nguyễn Trãi, phường An Bình) | Sở Tài chính | 0,02107 |  Phường An Bình  |
| 10 | Đấu giá cho thuê quyền sử dụng Ki ốt phía Bắc đường Phạm Ngũ Lão (phía Nhà Văn hóa), phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Phòng TCKH | 0,02 |  Phường An Bình  |
| 11 | Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất các thửa đất thương mại dịch vụ tại đường Phạm Ngũ Lão (phía Bưu điện), phường An Bình, thị xã Buôn Hồ | Phòng TCKH | 0,03 |  Phường An Bình  |
| 12 | Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất (thửa số 381,diện tích 116,6m2 và thửa số 385, diện tích 102,7m2), tờ bản đố 74, xã Cư Bao (thuộc đất Nhà ở tập thể giáo viên khu vực chợ xã Cư Bao, thôn Tây Hà 4, thị xã Buôn Hồ) | TT PTQĐ | 0,0223 | Cư Bao |
| 13 | Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp do UBND xã Cư Bao quản lý | UBND xã | 4,28 | Cư Bao |
| 14 | Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp khác do UBND phường Thiện An quản lý (Khu đất do Công ty TNHH QLĐT và MT Buôn Hồ giao trả) | UBND phường | 2,11 | Thiện An |
| 15 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu vực đất trạm máy kéo cũ | TT PTQĐ | 0,0414 | Phường An Bình |
| 16 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở Khu vực chợ xã Ea Blang | TT PTQĐ | 0,0300 | Xã Ea Blang |
| 17 | Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại hẻm đường Lê Văn Hưu, phường Đoàn Kết | TT PTQĐ | 0,0697 | Phường Đoàn Kết |

**2.5. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

Căn cứ vào danh mục thực hiện các công trình, dự án, nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm kế hoạch KHSDĐ 2023, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của thị xã như sau:

Biểu 10: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024

| **Stt** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Hiện trạng 2023 (ha)** | **Năm 2024** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **Tỷ lệ (%)** | **Tăng/giảm** |
| (1) | (2) | (3) |  (4) | (5) |  (6)=(5)/(4)\*100 | (7)=(5)-(4)  |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **28.260,99** | **28.260,99** | **100,00** | **0,00** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **25.202,39** | **25.054,13** | **88,65** | **-148,26** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 1.580,09 | 1.580,03 | 5,59 | -0,06 |
|  | *T. đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *745,16* | *745,10* | *2,64* | *-0,06* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 1.427,21 | 1.413,72 | 5,00 | -13,49 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 22.008,65 | 21.861,14 | 77,35 | -147,51 |
| 1.4 | Đất rừng sản xuất | RSX | 47,92 | 47,92 | 0,17 | 0,00 |
| 1.5 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 130,48 | 129,88 | 0,46 | -0,60 |
| 1.6 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 8,04 | 21,44 | 0,08 | 13,40 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.049,41** | **3.197,83** | **11,32** | **148,42** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 244,16 | 244,16 | 0,86 | 0,00 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 2,41 | 6,40 | 0,02 | 3,99 |
| 2.3 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 9,49 | 75,62 | 0,27 | 66,13 |
| 2.4 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 10,73 | 10,73 | 0,04 | 0,00 |
| 2.5 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 28,42 | 12,57 | 0,04 | -15,85 |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 1.617,59 | 1.678,30 | 5,94 | 60,71 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | *1.048,42* | *1.075,72* | *3,81* | *27,30* |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *380,70* | *381,12* | *1,35* | *0,42* |
|  | *Đất cơ sở văn hóa* | *DVH* | *5,80* | *8,82* | *0,03* | *3,02* |
|  | *Đất cơ sở y tế* | *DYT* | *4,00* | *14,07* | *0,05* | *10,07* |
|  | *Đất cơ sở giáo dục-đào tạo* | *DGD* | *54,82* | *62,49* | *0,22* | *7,67* |
|  | *Đất cơ sở thể dục-thể thao* | *DTT* | *13,90* | *12,37* | *0,04* | *-1,53* |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *0,83* | *14,80* | *0,05* | *13,97* |
|  | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *1,10* | *1,10* | *0,00* | *0,00* |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *0,55* | *0,55* | *0,00* | *0,00* |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *5,94* | *7,94* | *0,03* | *2,00* |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *13,05* | *13,05* | *0,05* | *0,00* |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa…* | *NTD* | *82,84* | *78,53* | *0,28* | *-4,31* |
|  | *Đất chợ* | *DCH* | *5,64* | *7,74* | *0,03* | *2,10* |
| 2.7 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 7,56 | 7,83 | 0,03 | 0,27 |
| 2.8 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 2,25 | 5,35 | 0,02 | 3,10 |
| 2.9 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 412,86 | 418,05 | 1,48 | 5,19 |
| 2.10 | Đất ở tại đô thị | ODT | 443,47 | 467,07 | 1,65 | 23,60 |
| 2.11 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 10,53 | 11,26 | 0,04 | 0,73 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 2,39 | 2,39 | 0,01 | 0,00 |
| 2.13 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 0,03 | 0,03 | 0,00 | 0,00 |
| 2.14 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 257,52 | 257,52 | 0,91 | 0,00 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **9,19** | **9,03** | **0,03** | **-0,16** |

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, phường xem Phụ biểu 06/CH.*

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SDĐ NĂM 2024**

- Thực hiện việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo quy định sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- UBND các xã, phường căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của thị xã đã được duyệt, tổ chức thông báo, triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Các chủ đầu tư công trình, dự án cần phối hợp chặt chẽ với Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Buôn Hồ, đơn vị có liên quan để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã thông báo cho Chủ đầu tư công trình, dự án (người sử dụng đất) thực hiện đầy đủ về trình tự thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tham mưu xây dựng phương án các hạng mục Đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất ở nông thôn (Ea Blang, Cư Bao), đất ở đô thị, đất thương mại dịch vụ tại phường An Lạc, An Bình, Đạt Hiếu, Thiện An, Thống Nhất, Bình Tân để tăng nguồn thu ngân sách.

- Kế hoạch sử dụng đất 2023 phải thực hiện thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn, thu hồi đất ở, cần phải thông báo đến tổ chức, người dân bị thu hồi đất, thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc sử dụng đất, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định bảng giá của nhà nước.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND thị xã, để làm cơ sở điều chỉnh lập kế hoạch sử dụng đất cho năm sau.

**IV. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Buôn Hồ được xây dựng căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thị xã Buôn Hồ, Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; đăng ký danh mục công trình, dự án năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai trên địa bàn thị xã để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Buôn Hồ.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 kết hợp với đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024, đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Buôn Hồ. Các công trình, dự án trong kế hoạch 2023 của các ngành có phân tích, lựa chọn những công trình, dự án có tính khả thi cao *(có kế hoạch bố trí vốn đầu tư, có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư)* để tính nhu cầu sử dụng đất cho các ngành năm 2024 nên phù hợp với thực tiễn của địa phương. Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất sẽ lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy đinh và thông qua Hội đồng thẩm định của tỉnh Đắk Lắk nên đảm bảo tính khả thi.

Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021. Phương án đã xác định được quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành năm 2024 như nhu cầu đất an ninh, đất quốc phòng, đất thương mại dịch vụ, đất trụ sở cơ quan, phát triển giao thông, giáo dục, đất y tế, đất văn hóa, đất năng lượng, đất chợ, đất xử lý rác thải,….

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Buôn Hồ sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 do thị xã đề ra.

UBND thị xã đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, tổng hợp danh mục công trình dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất, xin chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ. Căn cứ vào nội dung góp ý của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân, UBND thị xã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****-* UBND tỉnh (B/c);- Sở TN-MT (B/c);- Thường trực Thị uỷ, TT. HĐND thị xã;- CT, PCT UBND thị xã; - Đăng công thôn tin điện tử UBND thị xã; - Lưu VT. |  **CHỦ TỊCH** |